

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 17 - 6 - 2024
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường; Bà Trương Thị Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ: TDP N, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Bị đơn: Bà Vũ Thị Minh H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn S, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H,

trình bày:

Vào buổi sáng ngày 24/5/2023 có chị Đoàn Thị N là chỗ quen biết và có gọi điện thoại hỏi tôi có tiền cho vay để đáo hạn ngân hàng không, tôi nói là có tiền, chị N hỏi vay số tiền 950.000.000 đồng. Đến buổi chiều tôi có gọi điện thoại báo chị N là có tiền rồi và nói chị N đến nhận tiền, sau đó chị N nói đang bận đi bốc hàng nên không qua lấy được và có nói nhờ chị Vũ Thị Minh H1 là bạn của chị N đến lấy tiền. Khoảng hơn 16 giờ có chị H1 đến gặp tôi để nhận tiền. Do là chỗ quen biết và tin tưởng chị N nên tôi đưa tiền cho chị H1 và chị H1 ký vào giấy vay tiền. Do cho vay để đáo hạn ngân hàng nên chỉ cho vay với thời hạn từ 2 -3 ngày, lãi suất tính 1.500đ/triệu/ngày. Sau đó đến hạn không thấy chị N với chị H1 trả nợ nên tôi có đòi thì mới nghe nói là đưa tiền cho anh Phan Thanh H2 vay lại để đáo hạn ngân hàng, do anh H2 không vay lại ngân hàng được nên không có tiền trả cho bà H1 và bà N.

Việc tôi tin tưởng cho chị N và chị H1 cùng vay tiền, còn việc chị H1 và chị N cho ai vay thì tôi không biết, tôi cho chị H1 và chị N vay thì chị N và chị H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi, còn các chị cho anh H2 vay như thế nào thì đó là việc không liên quan đến tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu chị H1 và cùng chị N có trách nhiệm liên đới cùng trả cho tôi số nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi phát sinh 1,6%/tháng. Tạm tính lãi từ ngày vay là ngày 24/5/2023 đến ngày 05/02/2024 với lãi suất 1,6%/tháng là 133.794.333 đồng. Tổng số tiền và lãi là 1.083.794.333 đồng. Tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/02/2024 đến khi trả hết nợ gốc. Yêu cầu trả nợ trong thời hạn 01 tháng.

- *Bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà Vũ Thị Minh H1 trình bày:*
Vào ngày 24/5/2023 có anh Phan Thanh H2 là bạn của tôi có gặp tôi nhờ hỏi giúp có chỗ nào cho vay đáo hạn ngân hàng với lãi suất thấp nên tôi có gọi cho bạn là Đoàn Thị N hỏi có chỗ nào cho vay tiền không, chị N mới giới thiệu chỗ chị Đỗ Thị Thu H cho vay, sau đó chị N nói bận việc nên không đến lấy tiền được nên nói với chị H là tôi sẽ qua gặp chị H để nhận tiền. Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/5/2023 tôi có đến gặp chị H nhận số tiền là 950.000.000 đồng và thời hạn vay ngắn khoảng 2 - 3 ngày nên có thỏa thuận lãi suất là 1.500đ/1triệu/ngày, tôi là người ký vào giấy vay tiền. Sau khi ký nhận tiền xong thì tôi có gọi điện báo cho chị N đã nhận được tiền, sau đó tôi đưa tiền về giao cho anh H2 để anh H2 nộp ngân hàng để đáo hạn. Sau khi đáo hạn xong anh H2 làm thủ tục vay lại nhưng do đất nằm trong dự án nên ngân hàng không cho vay lại. Do vậy, anh H2 mới không có tiền để trả lại cho tôi để tôi

trả lại cho chị H. Toàn bộ số tiền tôi không được sử dụng. Nay chị H khởi kiện yêu cầu tôi và cùng chị N có trách nhiệm liên đới cùng trả số nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi phát sinh 1,6%/tháng. Tôi là người ký giấy vay qua sự giới thiệu chị N, tôi xét thấy mình phải có trách nhiệm đồng ý cùng liên đới với chị N trong việc trả nợ gốc và lãi cho chị H. Hiện nay tôi đang gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả cho chị H, khi nào anh H2 trả tiền thì tôi sẽ trả cho chị H.

- *Bị đơn: tại biên bản lấy lời khai, tại biên bản hòa giải bà Đoàn Thị N trình bày:* Vào ngày 24/5/2023 có chị Vũ Thị Minh H1 là bạn của tôi có gọi điện thoại hỏi tôi có chỗ nào cho vay đáo hạn ngân hàng với lãi suất thấp thì tôi mới nói có chỗ chị Đỗ Thị Thu H cho vay, sau đó tôi có gọi điện thoại hỏi chị H và chị H nói là có tiền cho vay nên tôi nói là bận việc nên không đến lấy tiền được và nói có chị H1 đến lấy tiền. Sau khi chị H1 gặp chị H ký nhận tiền xong có gọi điện cho tôi nói là đã có tiền rồi và nói đã đưa cho anh H2 để đi đáo hạn ngân hàng. Số tiền vay tôi chỉ là người hỏi chị H và giới thiệu chị H1 qua lấy tiền, việc ký giấy nợ tôi không ký và cũng không được sử dụng tiền. Tôi với anh H2 là người quen chứ không có mối quan hệ gì.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu tôi và cùng chị H1 có trách nhiệm liên đới cùng trả số nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi phát sinh 1,6%/tháng. Tôi là người giới thiệu chị H cho chị H1 vay tiền, do chỗ quen biết và tôi cũng đã giới thiệu cho chị H cho người khác vay tiền mấy lần, do có tôi đứng ra giới thiệu nên chị H mới đưa tiền cho chị H1, xét thấy mình cũng có trách nhiệm đồng ý cùng liên đới với chị H1 trong việc trả nợ gốc và lãi cho chị H. Hiện nay tôi đang gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả cho chị H, khi nào anh H2 trả tiền thì tôi sẽ trả cho chị H.

Người làm chứng: Ông Phan Thanh H2, khai: Do khoản nợ của tôi đã đến hạn nên vào ngày 24/5/2023 tôi có gặp bạn là chị Vũ Thị Minh H1 nhờ hỏi giúp chỗ nào cho vay đáo hạn ngân hàng với lãi suất thấp. Sau đó chị H1 có gọi cho chị N hỏi và chị N giới thiệu có chỗ chị H cho vay, vào buổi chiều ngày 24/5/2023 chị H1 trực tiếp đưa cho tôi số tiền 950.000.000 đồng và tôi đã đi trả ngân hàng, sau đó do đất của tôi nằm trong dự án nên ngân hàng không cho vay lại nên không có tiền trả nợ cho chị H1 để chị H1 trả nợ cho chị H. Chúng tôi cũng đã nhiều lần gặp nhau để bàn cách trả nợ cho chị H nhưng chưa có cách để giải quyết, tôi cũng đã nhiều lần gặp cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Bông để hỏi về dự án, họ trả lời là khoảng 02 tháng nữa sẽ giải quyết được nhưng đến nay cũng chưa thấy giải quyết nên tôi cũng chưa có phương án gì để trả nợ cho chị H1 và chị N để chị

H1 trả nợ cho chị H.

Quá trình hòa giải: Bà H cho rằng chỉ biết đưa tiền cho bà H1 theo sự yêu cầu của bà N, còn việc bà N với bà H1 đưa cho ai và sử dụng như thế nào thì bà H không biết nên yêu cầu bà N cũng bà H1 cùng liên đới trả nợ làm một lần trong thời hạn một tháng cả gốc và lãi tính 1,6%/tháng. Bà N và bà H1 vẫn thừa nhận có vay tiền như bà H trình bày, nhưng không được sử dụng số tiền đó mà đã đưa toàn bộ cho ông H2 để đáo hạn ngân hàng. Do ngân hàng không cho vay lại nên ông H2 không có tiền để trả, từ đó dẫn đến không có tiền để trả nợ cho bà H, nay chưa có tiền để trả cho bà H, khi nào ông H2 trả sẽ trả cho bà H. Các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Vũ Thị Minh H1 và bà Đoàn Thị N phải liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1.500đ/triệu/ngày (1,66%/tháng) tại phiên tòa bà H chỉ tính 1,6%/tháng, tính từ ngày 24/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17/6/2024 là 12 tháng 25 ngày, lãi suất tính 1,6%/tháng với số tiền 195.066.666 đồng. Tổng cộng là 1.145.066.666 đồng.

- Bị đơn: Bà H1 trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng, mặc dù chỉ là vay giúp và cũng không được sử dụng tiền nhưng bản thân phải có trách nhiệm cùng với bà N trả nợ gốc và lãi cho bà H, bà N là người giới thiệu nên cũng phải có trách nhiệm cùng trả nợ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có khả năng trả, tiền vay về đưa cho ông H2 vay lại nên khi nào ông H2 trả tiền thì sẽ trả đủ cho bà H, Bà H1 đề nghị HĐXX đưa ông H2 vào tham gia tố tụng và cũng phải có trách nhiệm cùng trả nợ.

- Bị đơn: Bà N trình bày, bà cũng đã có một số lần giới thiệu người khác đến gặp bà H để vay tiền đáo hạn ngân hàng nên cũng có sự tin tưởng nhau, ngày 24/5/2023 bà có gọi điện cho bà H hỏi vay tiền, khi bà H gọi đến lấy tiền thì bà N giới thiệu cho bà H1 qua gặp bà H để lấy tiền. Sau khi vay được tiền thì bà H1 có gọi điện cho bà N nói là đã lấy được tiền và đã đưa cho anh H2 để đáo hạn ngân hàng, bà chỉ là người giới thiệu giúp bà H1 đến gặp bà H vay tiền chứ không ký vào giấy vay nhận tiền và cũng không được sử dụng tiền. Bà H cho chị H1 vay hay không là quyền của bà H, bà H1 ký giấy vay tiền thì bà H1 phải chịu trách nhiệm trả. Bà N không đồng ý cùng liên đới trong việc trả tiền cho bà H. Bản thân bà là người giới thiệu nên cũng chỉ có trách nhiệm trong việc cùng với bà H1 đòi nợ ông H2 để lấy tiền trả cho bà H. Các lời khai tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải có ghi là

bà đồng ý cùng liên đới trả nợ cho bà H là không đúng với ý chí của bà, do thư ký nghe có sự nhầm lẫn nên mới ghi như vậy, do mắt nhìn kém nên cũng đọc không kỹ, bà N chỉ có ý kiến là người đã giới thiệu cho bà H1 đến vay tiền của bà H nên bản thân sẽ có trách nhiệm cùng với bà Huệ đòi ông H2 phải trả nợ để có tiền trả nợ cho bà H chứ không có cam kết sẽ cùng liên đới với bà H1 trả nợ. Lời khai tại phiên tòa đúng với ý chí của bà.

- Bà H vẫn giữ yêu cầu bà N cùng với bà H1 liên đới trả nợ.

- Bà H1 cho rằng bà N phải có trách nhiệm cùng liên đới với bà để trả nợ cho bà H vì bà H cho bà vay theo sự tin tưởng và giới thiệu của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của BLTTDS.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định bà Vũ Thị Minh H1 có ký giấy vay của bà H số tiền 950.000.000 đồng, bà H cho rằng cho bà H1 vay tiền qua sự giới thiệu và tin tưởng của bà N nên yêu cầu bà N cùng liên đới với bà H1 trong việc trả nợ. Bà N cho rằng chỉ giới thiệu nên không đồng ý cùng liên đới với bà H1 trả nợ, do đó không có căn cứ để buộc bà N cùng liên đới với bà H1 trả nợ cho bà H. Việc bà H cho bà H1 vay tiền là có thực tế và được bà H1 thừa nhận. Xét thấy phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H1 trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc bà Vũ Thị Minh H1 phải trả cho bà Đỗ Thị Thu H số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi xuất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 195.066.666 đồng. Tổng cộng là 1.145.066.666 đồng.

Đề nghị HĐXX không chấp nhận phần yêu cầu của bà H đối với việc yêu cầu bà N cùng liên đới trả nợ.

Bà Vũ Thị Minh H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Đỗ Thị Thu H với bà Vũ Thị Minh H1 và bà Đoàn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, sau khi thụ lý và giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị N tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa HĐXX có căn cứ xác định bà N chỉ tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa bà H1 đề nghị đưa ông Phan Thanh H2 cùng tham gia tố tụng và cùng có trách nhiệm trả nợ. Đề nghị này không được chấp nhận. Theo đơn khởi kiện bà H chỉ yêu cầu bà H1 cùng với bà N trả nợ, cũng không có giấy tờ nào thể hiện việc ông H2 có vay tiền của bà H, xác định ông H2 không liên quan đến vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 24/5/2023 bà Đỗ Thị Thu H có cho bà Vũ Thị Minh H1 vay số tiền 950.000.000 đồng, việc vay tiền bà H1 có ký vào giấy mượn tiền. Do cho vay để đáo hạn ngân hàng nên chỉ cho vay với thời hạn từ 2 -3 ngày, lãi suất tính 1.500đ/triệu/ngày, nợ hạn và lãi suất chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không ghi vào giấy. Bà H đưa tiền cho bà H1 là qua sự giới thiệu của bà Đoàn Thị N. Sau đó đến hạn không thấy bà N với bà H1 trả nợ nên bà có đòi thì mới biết là sau khi nhận tiền thì bà H1 đưa tiền cho ông Phan Thanh H2 vay lại để đáo hạn ngân hàng,

do ông H2 không vay lại ngân hàng được nên không có tiền trả cho bà H1 để bà H1 trả cho bà H.

Bà H khởi kiện và cho rằng: do bà tin tưởng nên giao tiền cho bà H1 theo yêu cầu của bà N. Còn việc bà H1 và bà N sử dụng như thế nào hay cho ai vay lại thì bà H không biết, bà H cho bà H1 và bà N vay thì bà N và bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ, còn bà H1 và bà N cho anh H2 vay lại như thế nào thì đó là việc không liên quan đến bà H. Bà H yêu cầu bà N và bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi suất theo mức 1,6%/tháng, tính từ ngày 24/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà H1 cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, mặc dù chỉ là vay tiền giúp mà không được sử dụng số tiền đó nhưng là người đứng ra trực tiếp ký nhận tiền nên cũng đồng ý cùng liên đới trả nợ gốc và lãi cho bà H, bà N là người giới thiệu nên cũng phải có trách nhiệm cùng bà H1 trả nợ. Tuy nhiên, hiện nay bà H1 chưa có khả năng để trả, tiền vay về cho ông H2 vay lại nên khi nào ông H2 có trả tiền thì sẽ trả toàn bộ gốc và lãi cho bà H.

Tại phiên tòa bà N cho rằng chỉ là người giới thiệu nên chỉ có trách nhiệm cùng với bà H1 đi đòi nợ anh H2 để lấy tiền cho bà H1 trả nợ cho bà H, bà không ký giấy vay, không được nhận và sử dụng số tiền đó nên không đồng ý trong việc cùng liên đới trả nợ cho bà H. Việc bà H cho bà H1 vay tiền hay không là quyền của bà H, bà H cho bà H1 vay tiền thì bà H yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả.

Hội đồng xét xử thấy rằng: bà H1 có nhờ bà N hỏi chỗ vay tiền giúp cho bà H1 để bà H1 vay tiền về đưa cho ông H2 để đáo hạn ngân hàng nên bà N hỏi bà H để vay tiền, khi bà H gọi đến nhận tiền nhưng bà N không đến gặp bà H để nhận tiền mà có nhờ bà H1 đến gặp bà H để nhận tiền, do bà N là chỗ quen biết và được bà N giới thiệu nên bà H đã đưa tiền cho bà H1, việc giao nhận tiền giữa bà H và bà H1 có lập giấy mượn tiền và bà H1 ký vào bên vay tiền, sau khi nhận tiền xong thì bà H1 trực tiếp đưa tiền cho ông Phan Thanh H2 và có gọi điện báo cho bà N biết việc này. Việc xảy ra tranh chấp là do ông H2 chưa có tiền để trả lại cho bà H1 nên không có tiền trả cho bà H như đã thỏa thuận ban đầu. Bà H khởi kiện yêu cầu bà N và bà H1 cùng liên đới trả toàn bộ số nợ. HĐXX xét thấy bà H1 cho rằng bà N cũng phải có trách nhiệm cùng trả nợ là không có căn cứ để chấp nhận vì bà N chỉ là người giới thiệu mà cũng không ký nhận tiền. Ý kiến của bà N là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà N cùng liên đới trả nợ cho bà H. Đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà H1

phải trả nợ là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên vẫn thừa nhận là do vay chỉ có 03 ngày nên tính lãi 1.500đ/triệu/ngày (tương đương với 45.000đ/triệu/tháng) là vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng bên vay chưa trả lãi nên không đặt ra để xem xét. Nay bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà H1 phải trả lãi suất. Khoản vay từ ngày 24/5/2023 đến hết ngày 17/6/2024 là 12 tháng 25 ngày: $1,6\% \times 950.000.000đ \times 12 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 195.066.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền cả gốc và lãi buộc bà H1 phải trả cho bà H là 1.145.066.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H1 phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch là $[36.000.000đ + (345.066.666đ \times 3\%)] 46.351.999 \text{ đồng}$. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H, đối với bị đơn bà Vũ Thị Minh H1. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Vũ Thị Minh H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu H tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 17/6/2024 là 1.145.066.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) (làm tròn số). Trong đó nợ gốc: 950.000.000 đồng; lãi suất tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (17/6/2024) là 195.066.000 đồng.

2. Không chấp nhận đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu H về việc yêu cầu bà Đoàn Thị N cùng liên đới với bà H1 trả nợ.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bà Vũ Thị Minh H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.352.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) (Làm tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Thu H số tiền 22.149.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0007006 ngày 26/01/2024.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi